

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực
hiện nhiệm vụ Bảo quản, phục chế tài liệu cổ, quý hiếm tại
Thư viện tỉnh Thanh Hóa năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông
tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm
nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực
lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức xã
hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11
năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc bảo quản, phục chế tài liệu cổ, quý hiếm tại Thư viện
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa*

bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 4658/BC-STC ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc phê duyệt giao dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ Bảo quản, phục chế tài liệu cổ, quý hiếm tại Thư viện tỉnh Thanh Hóa năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thực hiện nhiệm vụ Bảo quản, phục chế tài liệu cổ, quý hiếm tại Thư viện tỉnh Thanh Hóa năm 2023, với các nội dung chính như sau:

1. Dự toán kinh phí: 2.498.401.000 đồng (hai tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm lẻ một nghìn đồng).

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã giao cho Thư viện tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ Bảo quản, phục chế tài liệu cổ, quý hiếm tại Thư viện tỉnh Thanh Hóa năm 2023.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho Thư viện tỉnh đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

3. Thư viện tỉnh có trách nhiệm:

a) Quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

b) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ, tổ chức lựa chọn và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và thực hiện các nội dung có liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật.

c) Giám đốc Thư viện tỉnh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các quyết định của mình.

4. Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của Thư viện tỉnh theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Giám đốc Thư viện tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục số 01:

**DỰ TOÁN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO QUẢN, PHỤC CHẾ TÀI LIỆU
CỔ, QUÝ HIẾM TẠI THƯ VIỆN TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023

của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Tổng cộng	2.498.401.000
A	Bảo quản, tu sửa 30 sắc phong	930.043.505
I	Vật tư - hoá chất	198.400.000
1	Giấy bồi sắc phong	10.500.000
2	Giấy bồi 2 mặt	32.000.000
3	Hydrogen peroxide	3.800.000
4	Giấy thấm free axit	15.000.000
5	Giấy nonwoven	1.500.000
6	Giấy lụa free acid	9.000.000
7	Polymer trong	10.000.000
8	Nipagin	2.500.000
9	Nước cất	3.000.000
10	Ethanol	35.400.000
11	Axetone	17.400.000
12	White spirite	6.500.000
13	Thymol	3.750.000
14	Klucel	5.000.000
15	Plexton B500	20.000.000
16	Tylose MH 300	12.000.000
17	Canxi oxit	1.250.000
18	Amidon	6.600.000
19	Chôi bồi chuyên dụng	1.000.000
20	Khẩu trang y tế	1.000.000
21	Găng tay y tế	1.200.000
II	Nhân công	731.643.505
1	Khảo sát, đánh giá tình trạng hiện vật	
	V.10.05.17 (bậc 3)	1.422.273
	V.10.05.17 (bậc 4)	1.578.723

TT	Nội dung	Dự toán được giao
2	Xây dựng kế hoạch bảo quản trị liệu	
	V.10.05.17 (bậc 5)	743.645
3	Nghiên cứu, phân tích đánh giá hiện trạng và xác định nguyên nhân hư hại	
	V.10.05.17 (bậc 2)	21.699.818
	V.10.05.17 (bậc 4)	27.063.818
	V.10.05.17 (bậc 3)	24.381.818
	V.10.05.17 (bậc 5)	29.745.818
	V.10.05.16 (bậc 1)	32.509.091
	V.10.05.16 (bậc 3)	38.035.636
4	Kiểm tra thực hiện các phép thử trên hiện vật	
	V.10.05.17 (bậc 3)	18.286.364
	V.10.05.17 (bậc 4)	33.829.773
	V.10.05.17 (bậc 6)	16.213.909
	V.10.05.17 (bậc 5)	29.745.818
5	Đề xuất phương án, quy trình bảo quản trị liệu hiện vật	
	V.10.05.17 (bậc 3)	24.381.818
	V.10.05.16 (bậc 1)	48.763.636
	V.10.05.16 (bậc 3)	38.035.636
	V.10.05.17 (bậc 6)	32.427.818
6	Cán bộ hỗ trợ công tác bảo quản trị liệu theo phương án được duyệt	
	V.10.05.17 (bậc 6):	48.641.727
	V.10.05.17 (bậc 3)	36.572.727
	V.10.05.17 (bậc 4)	54.127.636
	V.10.05.17 (bậc 5)	44.618.727
7	Lập hồ sơ trong quá trình bảo quản trị liệu hiện vật	
	V.10.05.17 (bậc 2)	21.699.818
	V.10.05.17 (bậc 4)	27.063.818
	V.10.05.16 (bậc 1)	32.509.091
8	Lập báo cáo kết quả quá trình bảo quản trị liệu hiện vật	
	V.10.05.16 (bậc 3)	47.544.545

TT	Nội dung	Dự toán được giao
B	Số hóa, tư liệu hóa 30 sắc phong	19.262.500
1	Chụp ảnh hiện vật	
	V.10.05.17 (bậc 3)	1.422.273
	V.10.05.17 (bậc 4)	1.578.723
	V.10.05.17 (bậc 5)	1.735.173
2	Scan ảnh và tài liệu liên quan	
	V.10.05.17 (bậc 6)	1.351.159
	V.10.05.17 (bậc 5)	1.239.409
3	Ô lưu dữ liệu 2T	5.596.491
4	Lập phiếu và nhập thông tin hiện vật	
	V.10.05.16 (bậc 3)	6.339.273
C	Làm sạch khử trùng 300 tài liệu Hán Nôm và bảo quản trị liệu 05 sách Hán Nôm hư hỏng nặng	1.077.818.995
I	Vật tư - hoá chất	171.580.000
1	Giấy dó	16.500.000
2	Giấy bồi 2 mặt	48.000.000
3	Giấy thấm free axit	16.500.000
4	Giấy duplex	800.000
5	Túi hút chân không	800.000
6	Thymol	3.750.000
7	Polymer trong	4.000.000
8	Nước cất	720.000
9	Canxi oxit	250.000
10	Nipagin	1.250.000
11	Ethanol	7.080.000
12	Axetone	6.960.000
13	White spirite	3.250.000
14	Blexton B500	10.000.000
15	Tylose	12.000.000
16	CMC	10.000.000
17	Klucel	12.500.000
18	Giấy Nonwoven	1.500.000
19	Amidon	13.200.000
20	Khẩu trang y tế	600.000

TT	Nội dung	Dự toán được giao
21	Gang tay cao su	720.000
22	Chòi bồi chuyên dụng	1.200.000
II	Nhân công	906.238.995
1	Khảo sát, đánh giá tình trạng hiện vật	
	V.10.05.17 (bậc 5)	3.470.345
	V.10.05.17 (bậc 4)	3.157.445
2	Xây dựng kế hoạch bảo quản trị liệu	
	V.10.05.17 (bậc 4)	1.127.659
3	Nghiên cứu, phân tích đánh giá hiện trạng và xác định nguyên nhân hư hại	
	V.10.05.17 (bậc 2)	32.549.727
	V.10.05.17 (bậc 4)	40.595.727
	V.10.05.17 (bậc 3)	36.572.727
	V.10.05.17 (bậc 5)	44.618.727
	V.10.05.16 (bậc 1)	24.381.818
	V.10.05.16 (bậc 3)	28.526.727
	V.10.05.17 (bậc 6)	48.641.727
4	Kiểm tra thực hiện các phép thử trên hiện vật	
	V.10.05.17 (bậc 3)	36.572.727
	V.10.05.17 (bậc 4)	40.595.727
	V.10.05.17 (bậc 6)	48.641.727
	V.10.05.17 (bậc 5)	44.618.727
5	Đề xuất phương án, quy trình bảo quản trị liệu hiện vật	
	V.10.05.17 (bậc 3)	54.859.091
	V.10.05.16 (bậc 1)	48.763.636
	V.10.05.16 (bậc 3)	57.053.455
	V.10.05.17 (bậc 6)	48.641.727
6	Cán bộ hỗ trợ công tác bảo quản trị liệu theo phương án được duyệt	
	V.10.05.17 (bậc 6)	48.641.727
	V.10.05.17 (bậc 5)	44.618.727
7	Lập hồ sơ trong quá trình bảo quản trị liệu hiện vật	
	V.10.05.17 (bậc 2)	32.549.727
	V.10.05.17 (bậc 4)	40.595.727
	V.10.05.16 (bậc 1)	48.763.636

TT	Nội dung	Dự toán được giao
8	Lập báo cáo kết quả quá trình bảo quản trị liệu hiện vật	
	V.10.05.16 (bậc 2):	47.680.000
D	Hiệu đính, biên dịch Tài liệu Hán Nôm và Sắc phong	191.400.000
1	Hiệu đính, biên dịch Tài liệu Sắc phong	39.000.000
2	Hiệu đính, biên dịch Tài liệu Hán Nôm	152.400.000
E	Mua sắm trang thiết bị	212.000.000
1	Tủ Dry cabin HDC 1200L	160.000.000
2	Giấy lót sắc phong free axit	6.000.000
3	Máy hút ẩm tự động 60L/ngày	40.000.000
4	Ấm nhiệt kế điện tử	6.000.000
G	Làm hồ sơ tư liệu	29.225.000
1	Hội đồng họp duyệt phương án bảo quản, phục dựng hiện vật	
	Chủ tịch hội đồng	1.200.000
	Thành viên hội đồng	3.200.000
	Thư ký hành chính	480.000
	Đại biểu được mời tham dự	5.120.000
2	Hội đồng họp nghiệm thu, báo cáo kết quả	
	Chủ tịch hội đồng	1.200.000
	Thành viên hội đồng	3.200.000
	Thư ký hành chính	480.000
	Đại biểu được mời tham dự	5.120.000
3	Chụp ảnh hiện vật trước và sau khi bảo quản	9.225.000
H	Chi phí khác	38.651.000
1	Thẩm định giá	24.200.000
2	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ mời thầu	9.634.000
3	Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	4.817.000

Phụ lục số 02:

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO QUẢN, PHỤC CHẾ
TÀI LIỆU CỔ, QUÝ HIẾM TẠI THƯ VIỆN TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 1: Bảo quản, phục chế tài liệu cổ, quý hiếm tại Thư viện tỉnh Thanh Hóa năm 2023.	2.218.525.000	Từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã giao cho Thư viện tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số 4528/QĐ- UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý III/2023	Trọn gói	03 tháng
2	Gói thầu số 2: Mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ bảo quản tài liệu năm 2023	212.000.000		Chào hàng cạnh tranh thông thường qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý III/2023	Trọn gói	01 tháng
3	Gói thầu số 3: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu.	9.634.000		Chỉ định thầu theo quy trình rút gọn		Quý III/2023	Trọn gói	30 ngày
4	Gói thầu số 4: Thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.	4.817.000		Chỉ định thầu theo quy trình rút gọn		Quý III/2023	Trọn gói	30 ngày
	Tổng cộng	2.444.976.000						